

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *129* /TTr-UBND

Bình Phước, ngày 15 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua
Nghị quyết về Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Giai đoạn I, từ năm 2021 đến năm 2025
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 120/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc phê
duyet chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính
phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng
bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021
đến năm 2025.*

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng
Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung
ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục
tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.*

UBND tỉnh trình Hội đồng Nhân dân (HĐND) tỉnh xem xét, ban hành Nghị
quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng



bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Giai đoạn I, từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước với những nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS và MN), trong những năm qua Đảng và nhà nước đã ban hành nhiều chính sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội bền vững. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Theo quy định tại khoản 5, Điều 7, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ "*Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định, đặc điểm tình hình của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định*". Như vậy, việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước để làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách nhà nước hàng năm đúng định mức, đối tượng và nâng cao hiệu quả góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN của tỉnh là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước cho các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo đúng quy định và phù hợp điều kiện thực tế của địa phương

2. Quan điểm:

Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh

tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo đúng với các quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025,

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Căn cứ quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, bố cục của dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước gồm 2 phần: phần 1, nội dung dự thảo Nghị quyết và phần 2, nội dung dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết: gồm 2 điều

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khoá X, Kỳ họp thứ năm, thông qua ngày.. tháng..năm 2022 và có hiệu lực từ ngày..tháng.. năm 2022.

2.2. Nội dung cơ bản của Dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết: Gồm 2 Chương, 6 Điều.

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

Điều 4. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình

Chương II: TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỐ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC.

Điều 5. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương.

Điều 6. Nội dung tiêu chí, số điểm áp dụng phân bổ vốn thực hiện 10 dự án thành phần của Chương trình.

V. HỒ SƠ KÈM THEO TỜ TRÌNH

Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm các văn bản sau: (1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; (2) Dự thảo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, KHĐT, Ban Dân tộc, LĐ-TB&XH, Y tế, NN&PTNT, TT&TT;
- LĐVP; các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-HĐND).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

Handwritten text in the top right corner, possibly a date or reference number, appearing as "1952" and "1000".

Partial circular stamp on the left side of the page, containing some illegible text.

A circular stamp located in the lower center of the page. The text within the stamp is mostly illegible but appears to include "OFFICE OF THE" and "UNITED STATES".

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

2022/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022



DỰ THẢO

(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND
ngày /6/2022 của UBND tỉnh)

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NĂM

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;*
- Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 7 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*
- Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh*

tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐBD ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Kết luận số 217-KL/TU ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Thường trực Tỉnh ủy Phiên thứ 16 năm 2022;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngàytháng... năm2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khoá X, Kỳ họp thứ năm, thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Ủy ban Dân tộc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Thông tin và TT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT, Đài PTTH&Báo BP;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

Huỳnh Thị Hằng



QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021
đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Nghị quyết số... /2022/NQ-HĐND ngày.... tháng.... năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước” (sau đây viết tắt là *Chương trình*) áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình; cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

- Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.
- Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và các địa phương, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của

Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là vùng khó khăn.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách Trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và phải đảm bảo theo quy định; mục tiêu, nhiệm vụ; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn khó khăn, giải quyết các vấn đề bức xúc nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn; phân bổ vốn đầu tư Chương trình bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Điều 4. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình

Căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, ngân sách tỉnh phải đối ứng tối thiểu bằng 15% trên tổng ngân sách Trung ương theo quy định (Trong đó, ngân sách tỉnh là 10%, ngân sách huyện là 5%); thực hiện lồng ghép, tích hợp các nội dung chính sách để triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu của Chương trình./.

Chương II TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN BỐ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 5. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách nhà nước (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các sở, ngành và các huyện thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo công thức chung như sau:

Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của địa phương (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần (i):

$$V_{k,i} = Q_i \cdot X_{k,i}$$

Trong đó:

- $V_{k,i}$: Vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i cho địa phương thứ k.
- $X_{k,i}$: Số điểm dự án, tiểu dự án thứ i của địa phương thứ k.
- Q_i : Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i

$$Q_i = G_i / X_{k,i}$$

G_i : Vốn ngân sách để phân bổ cho dự án, tiểu dự án thứ i.

Điều 6. Nội dung tiêu chí, số điểm áp dụng phân bổ nguồn vốn cụ thể của 10 dự án thành phần gồm:

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở (xây dựng mới và sửa chữa nhà ở), đất sản xuất (chuyển đổi nghề, sinh kế tạo việc làm tăng thu nhập...), nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, phương tiện nghe - xem, xây dựng nhà vệ sinh, vay vốn phát triển sản xuất.

** Không áp dụng tỷ lệ ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu 15% theo quy định tại Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Ngân sách tỉnh bố trí đảm bảo thực hiện tích hợp, lồng ghép nguồn vốn Trung ương thực hiện nhiệm vụ mỗi năm giảm từ 1.000 hộ nghèo DTTS trở lên, theo mục tiêu của Chương trình hành động số 17-CTr/TU.*

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đầu tư:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 01 điểm	10
2	Dự án có quy mô trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 500 triệu đồng được tính thêm 01 điểm	01
3	Mỗi dự án ở xã biên giới được tính thêm	5
	Tổng cộng điểm	X_{k,i}

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn sự nghiệp:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm	0,1	a	0,1 x a
2	Cứ 1 hộ dân được hỗ trợ di chuyển khi sắp xếp dân cư	0,05	b	0,05 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân (vốn sự nghiệp)

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được: hỗ trợ khoán bảo vệ rừng, trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh ...	0,004	a	$0,004 \times a$
2	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ	0,12	b	$0,12 \times b$
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

3.2. Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	$28 \times a$
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III	5	b	$5 \times b$
Tổng cộng điểm				$A_{k,i}$

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã thuộc vùng DTTS và miền núi	0,5	a	$0,5 \times a$
Tổng cộng điểm				$B_{k,i}$

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III	20	b	20 x b
3	Mỗi công trình CSHT: đường, công trình điện, xây cầu, xây trường, thủy lợi	50	c	50 x c
4	Cứ xây mới, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi hoặc các chợ vùng biên giới	50	d	50 x d
	Tổng cộng điểm			$A_{k,i}$

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK, xã An toàn khu	10	a	10 x a
2	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	b	0,3 x b
	Tổng cộng điểm			$B_{k,i}$

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III	02	b	02 x b
	Tổng cộng điểm			$A_{k,i}$

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK, xã An toàn khu	01	a	$01 \times a$
2	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	b	$0,03 \times b$
	Tổng cộng điểm			$B_{k,i}$

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Nâng cấp các trường DTNT	100	a	$100 \times a$
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng trường học vùng DTTS và MN	40	b	$40 \times b$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	10	a	$10 \times a$
2	Mỗi HS, SV người DTTS được hỗ trợ kinh phí hàng năm	0,15	b	$0,15 \times b$
3	Mỗi mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề phù hợp với địa phương gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả làm việc sau đào tạo	10	c	$20 \times c$
4	Cứ mỗi người được Hỗ trợ học nghề	0,25	d	$0,25 \times d$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

a) Phân bổ vốn đầu tư:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa, loa truyền thanh xã/thôn	12	a	12 x a
2	Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch và Hỗ trợ XD khu du lịch sinh	100	b	100 x b
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống các dân tộc	10	a	10 x a
2	Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống, XD sản phẩm phục vụ phát triển du lịch	20	b	20 x b
3	Hỗ trợ mua sắm bộ công, chiêng, nhạc cụ khác	05	c	05 x c
4	Mở lớp học nhạc cụ, dệt thổ cẩm	02	d	02 x d
5	Bảo tồn lễ hội văn hóa truyền thống của DTTS, duy trì hoạt động của câu lạc bộ	03	e	03 x e
6	Đầu tư bảo tồn làng, ấp văn hóa truyền thống DTTS	15	g	35 x g
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

7. Dự án: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (vốn sự nghiệp)

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	50 x a
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	30 x b
3	Mỗi xã khu vực I	15	c	15 x c
	Tổng cộng			$X_{k,i}$

8. Dự án 8: Thực hiện Bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Phân bổ tối đa 50% tổng vốn sự nghiệp thực hiện dự án cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 50% cho cấp huyện.

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III	2	b	2 x b
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

9. Dự án 9 Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù.

9.1. Tiêu Dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù

a. Phân bổ vốn đầu tư:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư	82	a	82 x a
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

b. Phân bổ vốn sự nghiệp:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù thuộc địa bàn đầu tư	0,15	a	0,15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư	19	b	19 x b
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp)

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi 1% tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện (<i>tính không quá 20% tổng số xã khu vực III, khu vực II của huyện</i>)	2	e	2 x e
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

10. Dự án 10 Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình

a) Vốn đầu tư thực hiện:

Tiểu dự án 2 - Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Phân bổ 100% cho các cơ quan cấp tỉnh.

b) Vốn sự nghiệp thực hiện:

Tiểu dự án 1 - Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Chương trình:

- Phân bổ tối đa 70% tổng vốn cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 30% vốn cho cấp huyện.

- Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
Tổng cộng điểm				X_{k,i}

Tiểu dự án 2 - Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Phân bổ tối đa 50% tổng vốn thực hiện cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 50% vốn cho cấp huyện.

- Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	$30 \times a$
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	$0,5 \times b$
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$

Tiểu dự án 3 - Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

- Phân bổ tối đa 70% tổng vốn thực hiện cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 30% vốn cho cấp huyện.

- Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	$5 \times a$
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	$2 \times b$
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	$1 \times c$
Tổng cộng điểm				$X_{k,i}$